

Số: 476 /SNV-CCVC

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2019

V/v hướng dẫn thông báo chỉ tiêu,  
tiếp nhận hồ sơ thi tuyển công  
chức cấp xã và phiếu đăng ký dự  
tuyển công chức, viên chức giáo  
dục năm 2019.

Kính gửi:

- Các Sở, cơ quan tương đương sở;
- UBND quận, huyện, thị xã.

Thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch thi tuyển công chức làm việc tại Sở, cơ quan tương đương sở, UBND quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội năm 2019; Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch thi tuyển công chức xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội năm 2019; Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch thi tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS công lập (gọi tắt là viên chức giáo dục) trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội năm 2019, Sở Nội vụ hướng dẫn việc thông báo chỉ tiêu, tiếp nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển công chức cấp xã, phiếu đăng ký dự tuyển công chức, viên chức giáo dục trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã năm 2019 như sau:

**1. Về thông báo chỉ tiêu thi tuyển công chức, công chức cấp xã và viên chức giáo dục:**

Các Sở, cơ quan tương đương sở, UBND quận, huyện, thị xã có chỉ tiêu thi tuyển có trách nhiệm thông báo công khai về vị trí việc làm, số lượng chỉ tiêu, chuyên ngành, tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển công chức, công chức cấp xã, viên chức giáo dục, thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển, lệ phí theo quy định và các nội dung chi đạo của Thành phố liên quan đến việc thi tuyển công chức, công chức cấp xã, viên chức giáo dục của đơn vị mình trên Website và tại trụ sở của cơ quan, đơn vị từ ngày 15/3/2019.

- Chỉ tiêu thi công chức: Có biểu kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND Thành phố trên Website: [sonoiwu.hanoi.gov.vn](http://sonoiwu.hanoi.gov.vn);

- Chỉ tiêu thi công chức cấp xã: Có biểu kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND Thành phố và phụ lục chỉ tiêu thi tuyển từng chức danh công chức cấp xã kèm theo Công văn này;

- Chỉ tiêu thi viên chức giáo dục: Có biểu kèm theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND Thành phố.

## **2. Về tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi công chức cấp xã, phiếu đăng ký dự tuyển công chức và viên chức giáo dục**

a) Các Sở, cơ quan tương đương sở có chỉ tiêu thi tuyển công chức thành lập Tổ tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển đề:

- Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển, thu lệ phí theo quy định đối với người đăng ký dự thi công chức vào cơ quan đơn vị mình theo Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND Thành phố.

- Thời gian: Trong giờ hành chính từ ngày 15/3/2019 đến 17 giờ ngày 13/4/2019 (trừ thứ Bảy và Chủ Nhật).

- Địa điểm: Tại bộ phận một cửa các Sở, cơ quan tương đương sở.

b) UBND quận, huyện, thị xã có chỉ tiêu thi tuyển công chức, công chức cấp xã và viên chức giáo dục thành lập Ban tiếp nhận hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển đề:

- Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển đối với người đăng ký dự thi tuyển công chức theo Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND Thành phố; tiếp nhận hồ sơ đối với người đăng ký dự thi tuyển công chức cấp xã theo Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND Thành phố; tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển đối với người đăng ký dự thi tuyển viên chức giáo dục theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND Thành phố.

- Thu lệ phí đối với người dự tuyển theo quy định.

- Thời gian: Trong giờ hành chính từ ngày 15/3/2019 đến 17 giờ ngày 13/4/2019 (trừ thứ Bảy và Chủ Nhật).

- Địa điểm: Do UBND quận, huyện, thị xã quy định.

## **3. Lập danh sách người đủ điều kiện dự thi**

a) Đối với danh sách thi tuyển công chức

Các cơ quan đơn vị có chỉ tiêu thi công chức, báo cáo kết quả tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển công chức, lập danh sách người đăng ký dự tuyển công chức (theo Mẫu 1) cùng biên bản chốt thời hạn nộp phiếu đăng ký dự tuyển công chức và bản chính phiếu đăng ký dự tuyển công chức về Phòng Công chức, viên chức của Sở Nội vụ trước ngày 18/4/2019 (bản mềm Mẫu 3 gửi địa chỉ Email: hovinhthanh\_sonv@hanoi.gov.vn để tổng hợp dữ liệu thi).

Phô tô 01 bộ phiếu đăng ký dự tuyển công chức của người dự tuyển, lập biên bản niêm phong, bảo quản tại cơ quan, đơn vị.

b) Đối với danh sách thi tuyển công chức cấp xã và viên chức giáo dục

- Từ ngày 15/4/2019 đến 25/4/2019 UBND quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện: Kiểm tra, xét duyệt, lập danh sách người đủ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã (theo Mẫu 2) và viên chức giáo dục (theo Mẫu 3);

- Quyết định phê duyệt và thông báo công khai danh sách người đủ điều kiện dự thi, người không đủ điều kiện dự thi.

- Bảo quản danh sách, hồ sơ đăng ký dự thi công chức cấp xã, phiếu đăng ký dự tuyển viên chức của người đăng ký dự tuyển.

- Gửi báo cáo kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển công chức cấp xã, phiếu đăng ký dự tuyển viên chức, cùng danh sách người đủ điều kiện theo Mẫu 2 và Mẫu 3 về Sở Nội vụ trước 17 giờ ngày 25/4/2019 (bản mềm Mẫu 2 và Mẫu 3 gửi địa chỉ Email: hovinhthanh\_sonv@hanoi.gov.vn để tổng hợp dữ liệu thi tuyển của toàn Thành phố).

#### **4. Một số lưu ý về hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển**

Các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức cấp xã, phiếu đăng ký dự tuyển công chức, viên chức cần xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển, hướng dẫn chi tiết quy trình tiếp nhận hồ sơ và phiếu đăng ký dự tuyển để đảm bảo tính chính xác khi lập danh sách, tránh các vướng mắc vi phạm, thông báo công khai để người đăng ký dự tuyển biết và chuẩn bị đầy đủ giấy tờ, hồ sơ hoặc khai phiếu đăng ký dự tuyển đúng theo quy định.

Hướng dẫn người đăng ký dự tuyển nghiên cứu kỹ các quy định trong Kế hoạch thi tuyển, đặc biệt là quy định trong phần phiếu đăng ký dự tuyển của Kế hoạch thi tuyển công chức và viên chức giáo dục, chuẩn bị đủ các điều kiện, giấy tờ quy định trong các nội dung sau trước khi nộp hồ sơ thi công chức xã hoặc ghi phiếu đăng ký dự tuyển công chức, viên chức giáo dục:

##### **a) Phiếu đăng ký dự tuyển công chức:**

- Khai phiếu đăng ký dự tuyển công chức (Mẫu 4) theo quy định tại Mục III Kế hoạch kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND Thành phố.

- Các nội dung khai trong Phiếu đăng ký dự tuyển phải đầy đủ, chính xác từ các giấy tờ bản gốc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tính đến trước thời điểm chốt nộp phiếu đăng ký dự tuyển.

- Người đăng ký dự tuyển phải trực tiếp nộp phiếu đăng ký dự tuyển, nếu nộp hộ phải được ủy quyền có xác nhận của UBND cấp xã.

##### **b) Hồ sơ đăng ký thi công chức cấp xã:**

- Hồ sơ theo quy định, kể cả giấy tờ hưởng chính sách ưu tiên (nếu có) cùng đơn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã (Mẫu 5) theo quy định tại Mục II, Mục III, Mục IV Kế hoạch kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND Thành phố.

- Người đăng ký dự thi phải trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, nếu nộp hộ phải được ủy quyền có xác nhận của UBND cấp xã.

##### **c) Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức giáo dục:**

- Khai phiếu đăng ký dự tuyển viên chức (Mẫu 6) theo quy định tại Phần B Kế hoạch kèm theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND Thành phố.

- Các nội dung khai trong Phiếu đăng ký dự tuyển phải đầy đủ, chính xác từ các giấy tờ bản gốc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tính đến trước thời điểm chốt nộp phiếu đăng ký dự tuyển.

- Người đăng ký dự tuyển phải trực tiếp nộp phiếu đăng ký dự tuyển, nếu nộp hộ phải được ủy quyền có xác nhận của UBND cấp xã.

### **5. Về việc lập danh sách thí sinh dự thi tại Mẫu 1, Mẫu 2, Mẫu 3**

Để đảm bảo việc lập danh sách thi tuyển trong toàn Thành phố thống nhất, không phát sinh lỗi khi đưa dữ liệu vào chương trình thi và tiết kiệm trường dữ liệu, đề nghị các cơ quan, đơn vị khi lập danh sách thực hiện đúng các quy định sau:

a) Các dữ liệu danh sách Mẫu 1, Mẫu 2, Mẫu 3 lập trên bảng tính EXCEL, Font chữ Time New Roman, Bảng mã chữ Unicode, cỡ chữ 12, cột ngày sinh chuyển sang Text trước khi nhập danh sách, khổ giấy A4 (*tuyệt đối không thay đổi nội dung hoặc thêm bớt, thay đổi cột biểu mẫu, chỉ tải về gắn thêm tên của đơn vị và sử dụng nhập danh sách*).

b) Cột Hộ khẩu, trình độ đào tạo, hệ đào tạo, ghi chú miễn thi tin học, ngoại ngữ: Ghi theo hướng dẫn tại từng biểu mẫu.

c) Cột tên ngành, chuyên ngành đào tạo: Ghi đúng theo văn bằng hoặc bảng kết quả học tập, tuyệt đối không viết tắt.

d) Cột chức danh công chức đăng ký dự tuyển công chức cấp xã Mẫu 2 thống nhất ghi tắt như sau:

<b>TT</b>	<b>Tên chức danh công chức cấp xã</b>	<b>Ghi tắt</b>
1	Văn phòng - Thống kê	VP-TK
2	Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường (đối với xã)	ĐC-XD1
3	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn)	ĐC-XD2
4	Tài chính - Kế toán	TC-KT
5	Tư pháp - Hộ tịch	TP-HT
6	Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Văn hóa)	VH-XH1
7	Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Lao động thương binh xã hội)	VH-XH2

đ) Cột diện ưu tiên tại các mẫu thống nhất ghi tắt như sau:

<b>TT</b>	<b>Tên diện ưu tiên</b>	<b>Ghi tắt</b>
1	Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động.	AH
2	Thương binh, Người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.	TB
3	Người dân tộc thiểu số.	DTTS
4	Sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp.	SQQN
5	Người làm công tác cơ yếu chuyên ngành.	CYCN
6	Con Liệt sĩ.	CLS

7	Con Thương binh, con của thương binh loại B.	CTB
8	Con Bệnh binh.	CBB
9	Con của người hưởng chính sách như thương binh.	CNTB
10	Con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa.	CTKN
11	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	CĐCĐ
12	Con Anh hùng Lực lượng vũ trang, Con Anh hùng lao động.	CAH
13	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	HTNV

e) Cột môn đăng ký thi tuyển tại Mẫu 3 thống nhất ghi tắt như sau:

TT	Môn đăng ký thi tuyển giáo viên và nhân viên các khối	Ghi tắt
1	Giáo viên trường mầm non	MN
2	Giáo viên dạy văn hóa trường Tiểu học	TH
3	Giáo viên dạy môn Văn	Văn
4	Giáo viên dạy môn Lịch sử	Sử
5	Giáo viên dạy môn Địa lý	Địa
6	Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	Anh
7	Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	GDCD
8	Giáo viên dạy môn Toán	Toán
9	Giáo viên dạy môn Vật lý	Lý
10	Giáo viên dạy môn Hóa học	Hóa
11	Giáo viên dạy môn Sinh vật	Sinh
12	Giáo viên dạy môn Tin học	Tin
13	Giáo viên dạy môn Kỹ thuật công nghiệp	KTCN
14	Giáo viên dạy môn Kỹ thuật nông nghiệp	KTNN
15	Giáo viên dạy môn Giáo dục thể chất	GDTC
16	Giáo viên dạy môn Âm nhạc	Nhạc
17	Giáo viên dạy môn Mỹ thuật	Họa
18	Nhân viên Thư viện	TV
19	Nhân viên Văn thư	VT

f) Cột Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển viên chức Mẫu 3:

Giáo viên: Ghi GV; Nhân viên Thư viện hoặc Văn thư: Ghi NV;

g) Cột mã cấp học tại Mẫu 3 thống nhất ghi tắt như sau:

Mầm non: Ghi số 0; Tiểu học: Ghi số 1; THCS: Ghi số 2

h) Cột trường đăng ký thi tuyển tại Mẫu 3 chỉ ghi tên trường, không ghi thêm Trường cấp học phía trước.



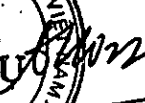
Các Mẫu số: 1,2,3,4,5,6 được kèm theo hướng dẫn này và đăng tải tại Website của Sở Nội vụ Hà Nội <http://sonoivu.hanoi.gov.vn> để cơ quan, đơn vị và người đăng ký thi tuyển sử dụng.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về thông báo chỉ tiêu, tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức cấp xã, phiếu đăng ký dự tuyển công chức, phiếu đăng ký dự tuyển viên chức giáo dục trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã năm 2019 để các sở, cơ quan tương đương sở, UBND quận, huyện, thị xã và người có nhu cầu đăng ký dự tuyển được biết, thực hiện. Các nội dung tiếp theo của các kỳ thi, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan tiếp tục báo cáo Ban chỉ đạo thi của Thành phố và sẽ thông báo cụ thể sau.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ Hà Nội để tổng hợp, báo cáo Hội đồng thi tuyển công chức thành phố Hà nội, Ban chỉ đạo thi tuyển công chức cấp xã và viên chức giáo dục trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của Thành phố xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Giám đốc Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Các sở, cơ quan tương đương sở, UBND quận, huyện, thị xã;
- Hội đồng thi tuyển công chức; Ban Giám sát;
- Website: [sonoivu.hanoi.gov.vn](http://sonoivu.hanoi.gov.vn);
- Lưu, CCVC.

  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**SỞ**  
**NỘI VỤ**  
  
**Nguyễn Đình Hoa**



**CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2019**

(Kèm theo Công văn số 476 /SNV-CCVC ngày 13/3/2019)

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>765</b>	<b>178</b>	<b>71</b>	<b>75</b>	<b>155</b>	<b>142</b>	<b>71</b>	<b>73</b>	
1	Quận Hoàn Kiếm	79	30	9	5	17	9	6	3	
1	Chương Dương	4	1	1		1	1			VP-TK: Quản lý nhà nước ĐC-XD: Quản lý đất đai TC-KT: Kế toán TP-HT: Luật
2	Cửa Đông	2	1			1				VP-TK: Luật TC-KT: Kế toán
3	Cửa Nam	6	2	1		1		1	1	VP-TK: Hành chính VP-TK: Luật ĐC-XD: Quản lý đất đai TC-KT: Tài chính - Kế toán VH-XH: 01 Quản lý văn hóa; 01 Quản trị nhân lực.
4	Đông Xuân	5	1			1	2		1	VP-TK: Quản lý nhà nước TC-KT: Tài chính - Ngân hàng TP-HT: Luật VH-XH: Công tác xã hội
5	Hàng Bạc	5	2		1	1	1			VP-TK: Luật VP-TK: Hành chính ĐC-XD: Kiến trúc TC-KT: Kế toán TP-HT: Luật
6	Hàng Bài	3	1	1	1					VP-TK: Công nghệ thông tin ĐC-XD: Quản lý đất đai ĐC-XD: Kỹ thuật công trình xây dựng
7	Hàng Bồ	5	3	1		1				VP-TK: 01: Hành chính; 02: Luật ĐC-XD: Quy hoạch đô thị TC-KT: Kế toán

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
8	Hàng Bông	5	2		1	1	1			VP-TK: Công nghệ thông tin VP-TK: Luật ĐC-XD: Kiến trúc TC-KT: Kế toán TP-HT: Luật
9	Hàng Buồm	3	1	1			1			VP-TK: Hành chính ĐC-XD: Quản lý đất đai TP-HT: Luật
10	Hàng Đào	5	2	1		1	1			VP-TK: Hành chính VP-TK: Quản lý nhà nước ĐC-XD: Quản lý đất đai TC-KT: Tài chính - Ngân hàng TP-HT: Luật
11	Hàng Gai	4		1	1	1		1		ĐC-XD: 01: Quản lý đất đai; 01: Quy hoạch đô thị TC-KT: Kế toán VH-XH: Quản lý văn hóa
12	Hàng Mã	4	1	0		2		1		VP-TK: Luật TC-KT: Kế toán TC-KT: Tài chính - Ngân hàng VH-XH: Lịch sử
13	Hàng Trống	3	1	1		1				VP-TK: Luật ĐC-XD: Quản lý đất đai TC-KT: Kế toán
14	Lý Thái Tổ	5	3			1		1		VP-TK: 02: Quản lý nhà nước; 01: Luật TC-KT: Tài chính - Ngân hàng VH-XH: Sư phạm Ngữ văn
15	Phan Chu Trinh	6	2	1		1		1	1	VP-TK: Luật VP-TK: Quản lý nhà nước ĐC-XD: Quản lý đất đai TC-KT: Kế toán VH-XH: 01: Sư phạm Ngữ văn; 01: Quản trị nhân lực

*Handwritten signature*



STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
16	Phúc Tân	5	3			1	1			VP-TK: 01: Công nghệ thông tin; 02: Hành chính TC-KT: Kế toán TP-HT: Luật
17	Trần Hưng Đạo	6	2		1	1	1	1		VP-TK: Hành chính VP-TK: Tin học ĐC-XD: Xây dựng dân dụng TC-KT: Kế toán TP-HT: Luật VH-XH: Quản lý văn hóa
18	Tràng Tiền	3	2			1				VP-TK: Luật TC-KT: Kế toán
<b>II</b>	<b>Quận Ba Đình</b>	<b>35</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>8</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	
1	Công Vị	5	2	0	0	1	1	0	1	VP-TK: Hành chính; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội.
2	Điện Biên	4	2	0	1	1	0	0	0	VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: Công nghệ môi trường; Kiến trúc công trình; TC-KT: Tài chính ngân hàng.
3	Đội Cấn	4	1	0	1	1	1	0	0	VP-TK: Hành chính học; ĐC-XD: Kỹ thuật xây dựng; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.
4	Giảng Võ	3	0	0	0	1	1	0	1	TC-KT: Tài chính Ngân hàng; TP-HT: Luật; VH-XH: Quản trị nhân lực.
5	Kim Mã	4	1	1	0	1	1	0	0	VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật;

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tur pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
6	Liễu Giai	2	0	0	0	1	0	0	1	TC-KT: Kế toán; VH-XH: Công tác xã hội;
7	Ngọc Hà	1	0	0	0	0	0	1	0	VH-XH: Bảo tàng, Quản lý Văn hóa, Văn hóa - Du lịch
8	Ngọc Khánh	1	0	0	1	0	0	0	0	ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, đô thị, môi trường.
9	Nguyễn Trung Trực	1	1	0	0	0	0	0	0	VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước); Quản trị văn phòng
10	Phúc Xá	2	0	1	0	1	0	0	0	ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Tài chính ngân hàng
11	Quán Thánh	4	2	1	0	0	1	0	0	VP-TK: 01 Luật; 01 Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: Quản lý đất đai; TP-HT: Luật.
12	Thành Công	1	0	0	0	1	0	0	0	TC-KT: Kế toán; Tài chính - Ngân hàng;
13	Vĩnh Phúc	3	1	0	1	0	1	0	0	VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: 01 Xây dựng cầu đường; TP-HT: Luật.
III	<b>Quận Hai Bà Trưng</b>	<b>44</b>	<b>13</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	
1	Phường Phố Huế	4	1	1	1			1		VP- TK: Tin học ứng dụng ĐC-XD: 01: Địa chính, Quản lý đất đai; 01: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường. VH - XH : Quản lý nhà văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, tốt nghiệp Đại học sư phạm: ngành Ngữ Văn, ngành Sử.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
2	Phường Trương Định	2	1			1				VP-TK: Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng, Văn thư lưu trữ, Công nghệ thông tin, thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội. TC-KT: Kế toán
3	Phường Bạch Đằng	5	1	1		1	1	1		VP-TK: Hành chính, luật, Quản trị văn phòng, văn thư lưu trữ, công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế- xã hội. ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai. TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính- Ngân hàng. TP-HT: Luật VH-XH: Quản lý văn hóa
4	Phường Đồng Tâm	4	2			1	1			VP-TK: Luật, Hành chính, quản trị Văn phòng, Văn thư Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê TC-KT: Kế toán, tài chính, Tài chính - ngân hàng TP-HT: Luật
5	Phường Đồng Nhân	1		1						ĐC-XD: ngành Địa chính, ngành Quản lý đất đai.
6	Phường Thanh Lương	1	1							VP-TK: ngành Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng, Văn thư lưu trữ, Công nghệ thông tin, thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội.

*Handwritten signature*

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
7	Phường Bạch Mai	5		1	1	1	1	1	<p>ĐC-XD: 01: Địa chính, Quản lý đất đai; 01: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường.</p> <p>TC-KT: Kế toán, Tài chính; Tài chính - ngân hàng;</p> <p>TP-HT: Luật</p> <p>VH-XH: Quản lý nhà văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, tốt nghiệp Đại học sư phạm: ngành Ngữ Văn, ngành Sử.</p>	
8	Phường Bách Khoa	2	1					1	<p>VP-TK: ngành Luật</p> <p>VH - XH : Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội</p>	
9	Phường Quỳnh Lôi	3	2			1			<p>VP-TK: ngành Luật.</p> <p>TC - KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.</p>	
10	Phường Quỳnh Mai	2			1		1		<p>ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường.</p> <p>TP-HT: Luật.</p>	
11	Phường Minh Khai	2		1				1	<p>ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai. VH-XH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực, xã hội học, quản lý nguồn nhân lực, bảo trợ xã hội, quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.</p>	
12	Phường Nguyễn Du	2	1				1		<p>VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, thống kê, thống kê kinh tế - xã hội</p> <p>TP-HT: Luật</p>	

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
13	Phường Đống Mác	3	1	1	1					VP-TK: ngành Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, thống kê, thống kê kinh tế - xã hội ĐC-XD: 01: Địa chính, Quản lý đất đai; 01: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường.
14	Phường Ngô Thị Nhậm	4	1	1			1	1		VP-TK: Hành chính ĐC-XD: Quản lý đất đai. TP-HT: Luật. VH - XH: Quản lý nhà văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, tốt nghiệp Đại học sư phạm: ngành Ngữ Văn, ngành Sư.
15	Phường Cầu Dền	3	1		1			1		VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, thống kê, thống kê kinh tế - xã hội. ĐC-XD: Xây dựng dân dụng và công nghiệp VH-XH: Việt Nam học
16	Phường Bùi Thị Xuân	1						1		VH - XH: Quản lý nhà văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, tốt nghiệp Đại học sư phạm: ngành Ngữ Văn, ngành Sư.
IV	Quận Đống Đa	38	9	2	7	4	6	7	3	
1	Cát Linh	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính - Ngân Hàng
2	Hàng Bột	3			1		1		1	ĐC-XD: Xây dựng; Kiến trúc. TP-HT: Luật VH-XH: Xã hội học, Quản trị nhân lực;

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
3	Khâm Thiên	2					1	1	TP-HT: Luật VH-XH: Văn hóa -Du lịch, Quản lý văn hóa	
4	Ô Chợ Dừa	1	1						VP-TK: Luật, Công nghệ Thông tin	
5	Quốc Tử Giám	1						1	VH-XH: Quản lý Văn hóa; Văn hóa- du lịch	
6	Văn Chương	2		1	1				ĐC-XD: Quản lý Đất đai ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc.	
7	Văn Miếu	1						1	VH-XH: Quản lý Văn hóa; Văn hóa du lịch	
8	Kim Liên	3				1		1	TC-KT: Kế toán; Tài chính - Ngân Hàng VH-XH: Quản lý Văn hóa; Văn hóa du lịch VH-XH: Công tác Xã hội; Quản trị nhân lực	
9	Nam Đồng	2	1					1	VP-TK: Hành chính học; Công nghệ Thông tin VH-XH : Quản lý Văn hóa; Văn hóa du lịch	
10	Phương Liên	3	2	1					VP-TK: Hành chính học; Công nghệ Thông tin, Luật ĐC-XD: Quản lý đất đai, địa chính	
11	Phương Mai	3	1		1			1	VP-TK: Công nghệ Thông tin, Hành chính học ĐC-XD: Kiến trúc; Xây dựng. VH-XH: Quản lý Văn hóa; Văn hóa du lịch	
12	Thổ Quan	1					1		TP-HT: Luật	

*Handwritten signature*

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã		
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)			
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa			Lĩnh vực Lao động TBXH
13	Trung Phụng	5	1		1	1	2			VP-TK: Hành chính học; Công nghệ thông tin ĐC-XD: Quản lý Tài nguyên & Môi trường, Xây dựng TC-KT: Kế toán TP-HT: Luật	
14	Trung Tự	3	2				1			VP-TK: Hành chính học; Luật; Công nghệ Thông tin TP-HT: Luật	
15	Khuong Thượng	2			1				1	ĐC-XD: Kiến trúc; Xây dựng. VH-XH: Quản trị nhân lực; Công tác xã hội	
16	Láng Thượng	1	1							VP-TK: Hành chính học; Công nghệ Thông tin.	
17	Ngã Tư Sở	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Môi trường	
18	Thịnh Quang	2			1				1	ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Môi trường. VH-XH: Văn hóa -Du lịch, Quản lý văn hóa	
19	Trung Liệt	1				1				TC-KT: Kế toán,;Tài chính - Ngân Hàng	
V	Quận Tây Hồ	19	1	4	2	7	1	2	2		
1	Phường Yên Phụ	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	
2	Phường Tứ Liên	2		1		1				TC-KT: Kế toán, Tài chính- Ngân hàng; ĐC-XD: Quản lý đất đai	
3	Phường Nhật Tân	2	1			1				VP-TK: Luật, Hành chính, Quản trị Văn phòng. TC-KT: Kế toán, Tài chính- Ngân hàng;	
4	Phường Phú Thượng	2				1			1	TC-KT: Kế toán; VH-XH: Xã hội học, Công tác xã hội	

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chi tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
5	Phường Thụy Khuê	2		1				1		VH-XH: Quản lý văn hóa ĐC-XD: Địa chính
6	Phường Bưởi	3		1	1	1				TC-KT: Tài chính-Ngân hàng ĐC-XD: 01: Địa chính, Quản lý đất đai; 01: Xây dựng.
7	Phường Xuân La	4		1		1	1		1	ĐC-XD: Địa chính; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội
8	Phường Quảng An	3			1	1		1		ĐC-XD: Xây dựng; TC-KT: Kế toán; VH-XH: Sư phạm Ngữ văn
<b>VI</b>	<b>Quận Thanh Xuân</b>	<b>11</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	
1	Thanh Xuân Bắc	1					1			TP-HT: Luật
2	Thanh Xuân	1							1	VH-XH: Bảo trợ xã hội
3	Kim Giang	1	1							VP-TK: Hành chính, Công nghệ thông tin
4	Hạ Đình	2					1	1		TP-HT: Luật VH-XH: Quản lý văn hóa
5	Khương Đình	2	1				1			TP-HT: Luật; VP-TK: Công nghệ thông tin
6	Khương Trung	3	2						1	VP-TK: 01: Hành chính, 01: Công nghệ thông tin VH-XH: Quản trị nhân lực
7	Thượng Đình	1	1							VP-TK: Công nghệ thông tin, Văn thư - Lưu trữ
<b>VII</b>	<b>Quận Cầu Giấy</b>	<b>21</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
1	Nghĩa Tân	4	2	1				1		VP-TK: 01 Hành chính; 01 Luật ĐC-XD: Quản lý đất đai VH-XH: Quản lý văn hóa
2	Dịch Vọng	3	2				1			VP-TK: Hành chính TP-HT: Luật



STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp & Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
3	Nghĩa Đô	5	1	2		1	1			VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước) ĐC-XD: 01 Địa chính; 01 Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật
4	Trung Hòa	2	1		1					VP-TK: Hành chính; ĐC-XD: Xây dựng cầu đường;
5	Mai Dịch	3	1		1				1	VP-TK: Công nghệ thông tin ĐC-XD: Công nghệ kỹ thuật xây dựng VH-XH: Công tác xã hội
6	Dịch Vọng Hậu	1		1						ĐC-XD: Địa chính;
7	Quan Hoa	1		1						ĐC-XD: Quản lý tài nguyên môi trường
8	Yên Hòa	2		1		1				ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán
<b>VIII</b>	<b>Quận Long Biên</b>	<b>18</b>	<b>9</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Phường Đức Giang	2	1			1				VP-TK: Toán tin - Ứng dụng TC-KT: Kế toán
2	Phường Gia Thụy	1				1				TC-KT: Kế toán
3	Phường Giang Biên	3	2			1				VP-TK: 01: Luật, Hành chính; 01: Công nghệ thông tin TC-KT: Kế toán
4	Phường Long Biên	1					1			TP-HT: Luật
5	Phường Ngọc Thụy	1				1				TC-KT: Kế toán
6	Phường Phúc Đồng	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai
7	Phường Phúc Lợi	2	2							VP-TK: 01: Luật; 01: Công nghệ thông tin
8	Phường Sài Đồng	2	2							VP-TK: 01: Luật; 01: Công nghệ thông tin

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
9	Phường Thạch Bàn	2	1			1				VP-TK: Luật, Hành chính, Công nghệ thông tin; TC-KT: Kế toán
10	Phường Việt Hưng	3	1	1		1				VP-TK: Luật, Hành chính, Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán
<b>IX</b>	<b>Quận Hoàng Mai</b>	<b>12</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	
1	Giáp Bát	1				1				TC-KT: Kế toán; Tài chính Ngân hàng
2	Mai Động	4	1			1	2			VP-TK: Luật; Công nghệ thông tin; TC-KT: Kế toán, Tài chính Ngân hàng; TP-HT: Luật
3	Tân Mai	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai;
4	Đại Kim	1						1		VH-XH: Quản lý văn hóa
5	Hoàng Liệt	2		1					1	ĐC-XD: Quản lý đất đai VH-XH: Xã hội học
6	Trần Phú	3	2						1	VP-TK: Luật; Công nghệ thông tin; Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng. VH-XH: Xã hội học
<b>X</b>	<b>Quận Nam Từ Liêm</b>	<b>50</b>	<b>18</b>	<b>4</b>	<b>9</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	
1	Trung Văn	4	1		1	1	1			VP-TK: Luật; ĐC-XD: Môi trường TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật
2	Tây Mỗ	3	1		1	1				VP-TK: Hành chính ĐC-XD: Môi trường và Xây dựng TC-KT: Kế toán
3	Đại Mỗ	2	1			1				VP-TK: Luật; TP-HT: Kế toán

*Handwritten signature*

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
4	Cầu Diễn	4	1	1	1			1	VP-TK: Luật ĐC-XD: 01: Quản lý đất đai; 01: Môi trường hoặc Xây dựng VH-XH: Văn hóa - Du lịch	
5	Phú Đô	7	3	1	1	1		1	VP-TK: 01 Hành chính; 01 Luật; 01 Công nghệ thông tin ĐC-XD: 01 Quản lý đất đai; 01 Xây dựng hoặc Môi trường TC-KT: Kế toán VH-XH: Quản trị nhân lực	
6	Mễ Trì	7	3		1	2		1	VP-TK: 01 Hành chính; 01 Quản trị văn phòng; 01 Luật ĐC-XD: Xây dựng hoặc Môi trường TC-KT: 02 Kế toán VH-XH: Quản trị nhân lực	
7	Mỹ Đình 1	6	3	1	1			1	VP-TK: 01 Luật; 01 Công nghệ thông tin; 01 Hành chính ĐC-XD: 01 Quản lý đất đai; 01 Xây dựng hoặc Môi trường TP-HT: Luật	
8	Mỹ Đình 2	7	2	1	1			2	VP-TK: 01 Văn thư lưu trữ; 01 Công nghệ thông tin ĐC-XD: 01 Quản lý đất đai; 01 Môi trường hoặc Xây dựng TP-HT: Luật VH-XH: Văn hóa - Du lịch	
9	Xuân Phương	5	1		1	1		1	VP-TK: Văn thư lưu trữ ĐC-XD: Môi trường; TC-KT: Kế toán TP-HT: Luật VH-XH: Việt Nam học	

*Handwritten signature*

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tur pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
10	Phuong Canh	5	2		1		1		1	VP-TK: 01 Luật; 01 Công nghệ thông tin ĐC-XD: Môi trường hoặc Xây dựng TP-HT: Luật VH-XH: Quản trị nhân lực
XI	Quận Bắc Từ Liêm	54	12	5	7	12	11	3	4	
1	Phường Xuân Tảo	4	1		1	1			1	VP-TK: Luật; ĐC-XD: Xây dựng cầu đường; TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản trị nhân lực;
2	Phường Xuân Đình	5	2	1	1	1				VP-TK: 01 Luật, 01 Lưu trữ học và quản trị văn phòng; ĐC-XD: 01 Quản lý đất đai; 01 Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; TC-KT: Tài chính- Ngân hàng;
3	Phường Đông Ngạc	5	1		1	1	2			VP-TK: Quản lý hành chính công; Luật; ĐC-XD: Kiến trúc; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật;
4	Phường Đức Thắng	8		1	1	2	2	1	1	ĐC-XD: 01 Địa chính, 01 Kinh tế xây dựng; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật; VH-XH: 01 Việt Nam học; 01 Quản trị nhân lực;
5	Phường Thụy Phương	2			1	1				ĐC-XD: Kỹ thuật xây dựng công trình; TC-KT: Kế toán;
6	Phường Liên Mạc	2	1				1			VP-TK: Hành chính học; TP-HT: Luật

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
7	Phường Thượng Cát	3	1	1					1	VP-TK: 01 Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Quản lý đất đai; VH-XH: Xã hội học;
8	Phường Tây Tựu	3	1		1				1	VP-TK: Luật; ĐC-XD: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; TP-HT: Luật
9	Phường Minh Khai	2				1	1			TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật
10	Phường Phúc Diễn	6			1	2	2	1		ĐC-XD: Kỹ thuật công trình xây dựng; TC-KT: 01 Kế toán, 01: Tài chính- Ngân hàng; TP-HT: Luật VH-XH: Văn hóa du lịch; quản lý văn hóa;
11	Phường Phú Diễn	1				1				TC-KT: Tài chính- Ngân hàng
12	Phường Cổ Nhuế 1	6	3	1				1	1	VP-TK: 02 Luật, 01: Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Địa chính; TP-HT: Luật. VH-XH: Quản lý văn hóa
13	Phường Cổ Nhuế 2	7	2	1		2			1	VP-TK: 01 Luật, 01: Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: 01 Tài chính- Ngân hàng; 01 Kế toán TP-HT: Luật; VH-XH: Quản trị nhân lực;
XII	Huyện Thanh Trì	6	0	0	0	3	3	0	0	
1	Xã Liên Ninh	1						1		TP-HT: Luật
2	Xã Ngũ Hiệp	1						1		TP-HT: Luật
3	Xã Thanh Liệt	1						1		TP-HT: Luật
4	Xã Tam Hiệp	1				1				TC-KT: Kế toán
5	Xã Đại Áng	1				1				TC-KT: Kế toán

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
6	Xã Hữu Hoà	1				1				TC-KT: Kế toán
XIII	Huyện Gia Lâm	33	14	0	2	7	8	0	2	
1	Trung Mậu	2	1						1	VP-TK: Luật kinh tế; VH-XH: Công tác xã hội; Quản trị nhân lực
2	Đình Xuyên	1				1				TC-KT: Kế toán - Tài chính
3	Ninh Hiệp	1	1							VP-TK: Luật, Hành chính quản lý nhà nước
4	Yên Thường	1	1							VP-TK: Luật kinh tế, Hành chính
5	Dương Hà	2				1	1			TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật
6	Xã Yên Viên	1							1	VH-XH: Công tác xã hội học; Xã hội học
7	TT Yên Viên	2	1		1					VP-TK: Luật kinh tế; ĐC-XD: Kiến trúc; Kỹ thuật công trình xây dựng
8	TT Trâu Quỳ	2			1	1				ĐC-XD: Xây dựng cầu đường; Môi trường; TC-KT: Tài chính - Ngân hàng
9	Cổ Bi	3	2			1				VP-TK: Luật; Hành chính quản lý nhà nước; TC-KT: Kế toán
10	Văn Đức	1					1			TP-HT: Luật
11	Bát Tràng	1	1							VP-TK: Luật
12	Kim Lan	2	1				1			VP-TK: Luật kinh tế, Quản trị văn phòng, Văn Thư lưu trữ; TP-HT: Luật
13	Đặng Xá	2	1			1				VP-TK: Quản trị văn phòng; TC-KT: Kế toán, Tài chính-Ngân hàng
14	Phú Thị	2	1				1			VP-TK: Văn thư lưu trữ; Luật kinh tế; TP-HT: Luật

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
15	Đa Tồn	2	1			1				VP-TK: Luật, Hành chính; TC-KT: Tài chính - Ngân hàng
16	Kiều Ky	3	1			1	1			VP-TK: Luật, Hành chính; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật
17	Dương Quang	1	1							VP-TK: Luật, hành chính, Văn thư-Lưu trữ
18	Kim Sơn	3	1				2			VP-TK: Luật kinh tế; TP-HT: Luật
19	Lệ Chi	1					1			TP-HT: Luật
XIV	<b>Huyện Đông Anh</b>	<b>41</b>	<b>8</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>23</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	
1	Xã Cổ Loa	2				2				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
2	Xã Dục Tú	2		1		1				ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai. TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
3	Xã Đại Mạch	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
4	Xã Đông Hội	3				1	1	1		TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng. TP-HT: Luật. VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch; đại học sư phạm: ngành Ngữ Văn, ngành Sử.

*du*

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tur pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
5	Xã Hải Bôi	4	1	1		2				VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội. ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai TC-KT: Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
6	Xã Kim Chung	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
7	Xã Kim Nỗ	3				1	1		1	TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng. TP-HT: Luật. VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội
8	Xã Liên Hà	2	1			1				VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội. TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
9	Xã Mai Lâm	2	1			1				VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội. TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.

*Handwritten signature*



STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tur pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
10	Xã Nam Hồng	1				1			TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.	
11	Xã Nguyên Khê	2	1			1			VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội. TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.	
12	Xã Tiên Dương	2		1		1			VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội. TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.	
13	TT Đông Anh	2				1		1	TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng. VH-XH: Công tác xã hội, Quản lý nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội	
14	Xã Thụy Lâm	2				1	1		TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng. TP-HT: Luật.	
15	Xã Uy Nỗ	1				1			TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.	

*doi*

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tur pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
16	Xã Vân Nội	2	1			1				VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội. TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
17	Xã Việt Hùng	2	1			1				VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội. TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
18	Xã Vĩnh Ngọc	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
19	Xã Võng La	3	1			2				VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội. TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
20	Xã Xuân Canh	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội.
21	Xã Xuân Nộn	2				1	1			TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng. TP-HT: Luật.
XV	Huyện Sóc Sơn	41	6	3	1	16	9	1	5	

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
1	Xã Bắc Sơn	2				1		1	TC-KT: Kế toán; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.	
2	Xã Nam Sơn	4	1			1	1	1	VP-TK: Luật; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.	
3	Xã Hồng kỳ	2				1		1	TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, tốt nghiệp Đại học sư phạm: ngành Ngữ văn, ngành Sư	
4	Xã Trung Giã	2	1			1			TC-KT: Kế toán; VP-TK: Luật.	
5	Xã Tân Hưng	3		1		1		1	TC-KT: Kế toán; ĐC-XD: Địa chính; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.	
6	Xã Tân Minh	1				1			TC-KT: Kế toán.	
7	Xã Phù Linh	2		1			1		ĐC-XD: Quản lý đất đai; TP-HT: Luật.	
8	Xã Đức Hòa	1	1						VP-TK: Luật.	

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
9	Xã Việt Long	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
10	Xã Xuân Giang	2				1	1			TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.
11	Xã Xuân Thu	1					1			TP-HT: Luật.
12	Xã Kim Lũ	3				1	1		1	TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội.
13	Xã Đông Xuân	3	1			1	1			TC-KT: Kế toán; VP-TK: Luật; TP-HT: Luật.
14	Xã Phú Minh	3	1			1	1			TC-KT: Kế toán; VP-TK: Luật; TP-HT: Luật.
15	Xã Phú Cường	1				1				TC-KT: Kế toán.
16	Xã Thanh Xuân	1				1				TC-KT: Kế toán.
17	Xã Tân Dân	2				1	1			TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.
18	Xã Hiền Ninh	3			1	1	1			ĐC-XD: Kiến trúc; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.
19	Xã Quang Tiến	2		1		1				ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán.
20	Xã Mai Đình	2	1			1				VP-TK: Luật; TC-KT: Kế toán.
<b>XVI</b>	<b>Huyện Ba Vì</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	
1	Xã Cẩm Lĩnh	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
2	Xã Cam Thượng	1			1					ĐC-XD (Lĩnh vực XD-ĐT-MT): Xây dựng, kiến trúc, đô thị, môi trường.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
3	Xã Châu Sơn	1			1					ĐC-XD (Lĩnh vực XD-ĐT-MT): Xây dựng, kiến trúc, đô thị, môi trường.
4	Xã Cổ Đô	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
5	Xã Minh Châu	2						1	1	VH-XH (Lĩnh vực VH-TT): Quản lý văn hóa, văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, Đại học sư phạm ngành Ngữ văn. VH-XH: Công tác xã hội; Quản trị nhân lực; Xã hội học; Quản lý nguồn nhân lực; Bảo trợ xã hội; Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
6	Xã Khánh Thượng	1			1					ĐC-XD (Lĩnh vực XD-ĐT-MT): Xây dựng, kiến trúc, đô thị, môi trường.
7	Xã Tân Hồng	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
8	Xã Tân Lĩnh	1	1							VP-TK: Luật, Hành chính, Công nghệ thông tin, Quản trị văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, thống kê, thống kê kinh tế xã hội.
9	Xã Phú Phương	1			1					ĐC-XD (Lĩnh vực XD-ĐT-MT): Xây dựng, kiến trúc, đô thị, môi trường.
10	Xã Tòng Bạt	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tur pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
11	Xã Thụy An	1						1		VH-XH (Lĩnh vực VH-TT): Quản lý văn hóa, văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, Đại học sư phạm ngành Ngữ văn.
<b>XVII</b>	<b>Thị xã Sơn Tây</b>	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	
1	Phường Quang Trung	2		1			1			ĐC-XD: Quản lý đất đai; TP-HT: Luật
2	Phường Ngô Quyền	2					1	1		TP-HT: Luật; VH-XH: Bảo tàng;
3	Phường Trung Hưng	1						1		VH-XH: Sư phạm Văn, Sư phạm Lịch sử
4	Phường Sơn Lộc	2						1	1	VH-XH: 01: Quản lý văn hóa; 01: Quản lý nguồn nhân lực
5	Phường Trung Sơn Trầm	1						1		VH-XH: Văn hóa học, Sư phạm Ngữ văn.
6	Phường Xuân Khanh	1							1	VH-XH: Xã hội học
7	Xã Đường Lâm	1							1	VH-XH: Quản lý nguồn nhân lực
8	Xã Xuân Sơn	1					1			TP-HT: Luật
9	Xã Kim Sơn	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai
10	Xã Cổ Đông	1	1							VP-TK: Công nghệ thông tin
11	Xã Sơn Đông	1						1		VH-XH: Việt Nam học
<b>XVIII</b>	<b>Huyện Phúc Thọ</b>	<b>17</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	
1	Cẩm Đình	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường
2	Phượng Độ	1						1		VH-XH: Quản lý văn hoá, Văn hoá học, Văn hoá - Du lịch.

*Handwritten signature*

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
3	Trạch Mỹ Lộc	1				1			TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng	
4	Thượng Cốc	1			1				ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường	
5	Xuân Phú	2		1				1	ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai VH-XH: Quản lý văn hoá, Văn hoá học, Văn hoá - Du lịch.	
6	Phúc Hoà	1						1	VH-XH: Quản lý văn hoá, Văn hoá học, Văn hoá - Du lịch.	
7	Phụng Thượng	2		1				1	ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai VH-XH: Công tác Xã hội, Quản trị nhân lực, Quản lý nguồn nhân lực	
8	Long Xuyên	2	1					1	VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị văn phòng, Công nghệ thông tin VH-XH: Công tác Xã hội, Quản trị nhân lực, Quản lý nguồn nhân lực	
9	Vân Hà	1	1						VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị văn phòng, Công nghệ thông tin	
10	Thanh Đa	1						1	VH-XH: Công tác Xã hội, Quản trị nhân lực, Quản lý nguồn nhân lực	
11	Hát Môn	1			1				ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường	
12	Liên Hiệp	1						1	VH-XH: Công tác Xã hội, Quản trị nhân lực, Quản lý nguồn nhân lực	
13	Tam Hiệp	1				1			TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng	

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
14	Ngọc Tào	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng
XIX	Huyện Thạch Thất	5	0	0	0	4	0	0	1	
1	Cầm Yên	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng;
2	Bình Yên	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng;
3	Yên Bình	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng;
4	Yên Trung	2				1			1	TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội
XX	Huyện Quốc Oai	9	1	0	2	0	0	4	2	
1	Xã Hòa Thạch	2	1						1	VP-TK: Luật, Hành chính, Công nghệ thông tin. VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực.
2	Xã Phú Cát	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực.
3	Xã Phượng Cách	1						1		VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Văn hóa-Du lịch, ĐHSP ngành ngữ văn,
4	Xã Đông Xuân	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường.



STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tur pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
5	Xã Cộng Hòa	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường.
6	Xã Cán Hữu	1						1		VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Văn hóa-Du lịch, ĐHSP ngành ngữ văn,
7	Xã Phú Mãn	1						1		VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Văn hóa-Du lịch, ĐHSP ngành ngữ văn,
8	Xã Liệp Tuyết	1						1		VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Văn hóa-Du lịch, ĐHSP ngành ngữ văn,
<b>XXI</b>	<b>Huyện Đan Phượng</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Thị trấn Phùng	1					1			TP-HT: Luật
2	Đan Phượng	1			1					ĐC-XD: Xây dựng
3	Đồng Tháp	1			1					ĐC-XD: Xây dựng
4	Phượng Đình	1					1			TP-HT: Luật
5	Thọ An	2		1			1			ĐC-XD: Địa chính TP-HT: Luật
6	Hồng Hà	2			1	1				ĐC-XD: Xây dựng; TC-KT: Kế toán
7	Liên Hà	1				1				TC-KT: Kế toán
8	Thượng Mỗ	1					1			TP-HT: Luật
9	Hạ Mỗ	1					1			TP-HT: Luật
<b>XXII</b>	<b>Huyện Hoài Đức</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đức Thượng	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường
2	Di Trạch	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường
4	La Phù	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội.
5	Minh Khai	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
6	Thị trấn Trạm Trôi	1			1					ĐC-XD : Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường
7	Xã Vân Canh	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường
8	Vân Côn	2	1				1			VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê Kinh tế - Xã hội; TP-HT: Luật
<b>XXIII</b>	<b>Huyện Chương Mỹ</b>	<b>19</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
1	Xã Đồng Phú	1					1			TP-HT: Luật
2	Xã Đông Phương Yên	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính
3	Xã Hoàng Văn Thụ	2	1			1				VP-TK: Luật, Hành chính (Quản lý nhà nước), Quản trị văn phòng; TC-KT: Kế toán, Tài chính
4	Xã Hồng Phong	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội
5	Xã Hữu Văn	3			1		1	1		ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Môi trường; TP-HT: Luật VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch
6	Xã Lam Điền	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính
7	Xã Nam Phương Tiến	2	1			1				VP-TK: Luật, Hành chính (Quản lý nhà nước), Quản trị văn phòng; TC-KT: Kế toán, Tài chính
8	Xã Phụng Châu	1	1							VP-TK: Luật, Hành chính (Quản lý nhà nước), Quản trị văn phòng
9	Xã Quảng Bị	1		1						ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
10	Xã Thượng Vực	1		1						ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai
11	Xã Tốt Động	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính
12	Xã Văn Võ	2	1				1			VP-TK: Luật, Hành chính (Quản lý nhà nước), Quản trị văn phòng TP-HT: Luật
13	Thị Trấn Chúc Sơn	1	1							VP-TK: Luật, Hành chính (Quản lý nhà nước), Quản trị văn phòng
14	Thị Trấn Xuân Mai	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính
XXIV	Huyện Thanh Oai	16	3	2	2	2	0	3	4	
1	Bích Hòa	2	1			1				VP-TK : Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê TC-KT: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Quản lý tài chính công
2	Cự Khê	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê
3	Bình Minh	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê
4	Tam Hưng	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực
5	Thanh Thù	1						1		VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch

*du*

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
6	Mỹ Hưng	2			1				1	ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực
7	Thanh Mai	1				1				TC-KT: Quản lý tài chính công
8	Kim Thư	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc
9	Thanh Văn	3		1				1	1	ĐC-XD: Quản lý đất đai VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực
10	Đỗ Động	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai
11	Phương Trung	1						1		VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch
12	Xuân Dương	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực
XXV	Huyện Ứng Hòa	60	8	7	5	5	17	7	11	
1	Viên An	2					1		1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội TP-HT: Luật;
2	Viên Nội	1				1				TC-KT: Kế toán, tài chính, tài chính ngân hàng

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
3	Cao Thành	2						1	1	VH-XH : 01: Đại học sư phạm ngành ngữ văn; 01: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội
4	Hoa Sơn	5	2		1	1		1		VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa du lịch, VP-TK: Hành chính, luật, Quản trị văn phòng, Văn thư-lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê Kinh tế-xã hội; TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính ngân hàng; ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, Môi trường.
5	Trường Thịnh	1	1							VP-TK: Hành chính, luật, Quản trị văn phòng, Văn thư - lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê Kinh tế-xã hội;
6	Quảng Phú Cầu	3	1	1				1		VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị văn phòng, văn thư-lưu trữ, công nghệ thông tin, thống kê, thống kê Kinh tế-xã hội; ĐC-XD: Địa chính hoặc Quản lý đất đai; TP-HT: Luật;
7	Liên Bạt	3			1			1	1	ĐC-XD : Xây dựng, Kiến trúc, Môi trường. TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa du lịch,

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
8	Thị trấn Vân Đình	1					1		TP-HT: Luật;	
9	Sơn Công	3		1				1	1	VH-XH : 01: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa du lịch; 01: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội ĐC-XD: Địa chính hoặc Quản lý đất đai;
10	Đông Tiến	3	1	1			1			VP-TK: Hành chính, luật, quản trị văn phòng, văn thư-lưu trữ, công nghệ thông tin, thống kê, thống kê Kinh tế-xã hội; TP-HT: Luật; ĐC-XD (1): Địa chính hoặc Quản lý đất đai;
11	Vạn Thái	1					1			TP-HT: Luật;
12	Hòa Nam	1						1		VH-XH : Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa du lịch,
13	Hòa Phú	3					1	1	1	TP-HT: Luật; VH-XH: 01: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa du lịch; 01: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
14	Phù Lưu	2		1			1			ĐC-XD: Địa chính hoặc Quản lý đất đai; TP-HT: Luật;

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
15	Lưu Hoàng	2				1		1	TC-KT: Kế toán, tài chính, tài chính ngân hàng; VH-XH : Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.	
16	Hồng Quang	3				1	1	1	TP-HT: Luật; TC-KT: Kế toán, tài chính, tài chính ngân hàng; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội. ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, Môi trường.	
17	Đội Bình	4	1		1			1	VP-TK: Hành chính, luật, quản trị văn phòng, văn thư-lưu trữ, công nghệ thông tin, thống kê, thống kê Kinh tế-xã hội; ĐC-XD : Xây dựng, kiến trúc, Môi trường. TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa du lịch,	
18	Phương Tú	3					2	1	TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.	
19	Trung Tú	1			1				ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, Môi trường.	

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
20	Hòa Lâm	3				1	1		1	TP-HT: Luật; TC-KT: Kế toán, tài chính, tài chính ngân hàng VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
21	Trầm Lộng	2					1		1	TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
22	Kim Đường	2					1		1	TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
23	Minh Đức	3		1	1				1	ĐC-XD: 01: Địa chính hoặc Quản lý đất đai; 01: Xây dựng, kiến trúc, Môi trường. VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
24	Đại Hùng	1	1							VP-TK: Hành chính, luật, quản trị văn phòng, văn thư-lưu trữ, công nghệ thông tin, thống kê, thống kê Kinh tế-xã hội;



STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
25	Đại Cường	2	1	1						VP-TK: Hành chính, luật, quản trị văn phòng, văn thư-lưu trữ, công nghệ thông tin, thống kê, thống kê Kinh tế-xã hội; ĐC-XD: Địa chính hoặc Quản lý đất đai;
26	Tảo Dương Văn	3		1			2			ĐC-XD: Địa chính hoặc Quản lý đất đai; TP-HT: Luật;
XXVI	Huyện Thường Tín	25	2	0	0	0	7	10	6	
1	Dũng Tiến	2	1						1	VP-TK: Quản trị văn phòng; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
2	Hòa Bình	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
3	Hồng Vân	1						1		VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học.
4	Khánh Hà	2						1	1	VH-XH: 01 Quản lý văn hóa; 01 Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
5	Lê Lợi	1					1			TP-HT: Luật.
6	Liên Phương	2	1					1		VP-TK: Hành chính, Văn thư - Lưu trữ. VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học.
7	Minh Cường	1						1		VH-XH: Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng.
8	Ninh Sở	1					1			TP-HT: Luật.
9	Quất Động	1						1		VH-XH: Văn hóa - Du lịch, Văn hóa học;
10	Tân Minh	1					1			TP-HT: Luật.
11	Thắng Lợi	1						1		VH-XH: Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
12	Thị trấn Thường Tín	2					1	1		TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học.
13	Thư Phú	1					1			TP-HT: Luật;
14	Tiền Phong	1						1		VH-XH: Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng.
15	Tô Hiệu	1						1		VH-XH: Văn hóa - Du lịch, Thông tin học.
16	Tự Nhiên	1					1			TP-HT: Luật.
17	Vạn Điểm	1					1			TP-HT: Luật.
18	Văn Phú	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
19	Vân Tảo	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
20	Văn Tự	2						1	1	VH-XH: 01: Quản lý văn hóa; 01 Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
<b>XXVII</b>	<b>Huyện Phú Xuyên</b>	<b>29</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>11</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	
1	Châu Can	1					1			TP-HT: Luật
2	Đại Xuyên	2				1	1			TC-KT: Kế toán, Tài chính; TP-HT: Luật;
3	Hoàng Long	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính;
4	Hồng Minh	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai;
5	Hồng Thái	3	2				1			TP-HT: Luật; VP-TK: 01 Luật; 01 Hành chính;
6	Khai Thái	1					1			TP-HT: Luật;
7	Minh Tân	1	1							VP-TK: Luật, Hành chính
8	Nam Phong	1					1			TP-HT: Luật
9	Nam Triều	1					1			TP-HT: Luật
10	Phú Túc	1							1	VH-XH: Công tác xã hội;
11	Phú Yên	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai
12	Phúc Tiến	2	1				1			VP-TK: Luật; Hành chính học; TP-HT: Luật;

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tur pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
13	Phượng Dục	2	2							VP-TK: 01 Hành chính học, 01 Văn thư - Lưu trữ
14	Quang Trung	1							1	VH-XH: Công tác xã hội;
15	Sơn Hà	1					1			TP-HT: Luật;
16	Tri Thủy	2	1				1			TP-HT: Luật; VP-TK: Hành chính
17	TT Phú Minh	2			1		1			ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường; TP-HT: Luật.
18	Thị trấn Phú Xuyên	1				1				TC-KT: Kế toán, tài chính;
19	Văn Hoàng	2		1					1	ĐC-XD: Quản lý đất đai; VH-XH: Công tác xã hội;
20	Vân Từ	2					1	1		VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học; TP-HT: Luật
XXVIII	Huyện Mỹ Đức	30	1	2	5	7	10	2	3	
1	Xã Đồng Tâm	5				1	2	1	1	TC-KT: Tài chính - ngân hàng; Kế toán TP-HT: Luật VH-XH: 01: Quản lý văn hóa; Văn hóa du lịch; Sư phạm Sử; Sư phạm Ngữ văn; 01: Công tác xã hội; Quản trị nhân lực; Bảo trợ xã hội;
2	Xã Thượng Lâm	2		1			1			TP-HT: Luật ĐC-XD: Quản lý đất đai; Địa chính
3	Xã Phúc Lâm	3				1	1		1	TC-KT: Tài chính - ngân hàng; Kế toán TP-HT: Luật VH-XH: Công tác xã hội; Quản trị nhân lực; Bảo trợ xã hội

*du*

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực Lao động TBXH	
4	Xã Bội Xuyên	3				2		1		TC-KT: Tài chính - ngân hàng VH-XH: Quản lý văn hóa; Văn hóa du lịch; Sư phạm Sứ, Sư phạm Ngữ văn.
5	Xã Tuy Lai	2			1				1	ĐC-XD: Xây dựng; Quản lý xây dựng, Kiến trúc. VH-XH: Công tác xã hội; Quản trị nhân lực; Bảo trợ xã hội
6	Xã An Mỹ	2			1		1			ĐC-XD: Quản lý đất đai; Địa chính. TP-HT: Luật
7	Xã Lê Thanh	2			1		1			TP-HT: Luật ĐC-XD: Xây dựng; Quản lý xây dựng, Kiến trúc.
8	Xã Hồng Sơn	1			1					ĐC-XD: Xây dựng; Kiến trúc; Quản lý tài nguyên và Môi trường.
9	Xã Xuy Xá	3			1	1	1			ĐC-XD: Quản lý đất đai; Địa chính. TC-KT: Tài chính - ngân hàng; Kế toán. TP-HT: Luật
10	Xã Phùng Xá	1				1				TC-KT: Kế toán; Tài chính - ngân hàng
11	Xã Hùng Tiến	2		1			1			TP-HT: Luật ĐC-XD: Quản lý đất đai; Địa chính
12	Xã Hợp Tiến	2	1				1			TP-HT: Luật VP-TK: Luật
13	Xã Hợp Thanh	2				1	1			TP-HT: Luật TC-KT: Tài chính - ngân hàng; Kế toán
<b>XXIX</b>	<b>Huyện Mê Linh</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Thanh Lâm	1					1			TP-HT: Luật

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Chỉ tiêu tuyển dụng						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)		Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực Lao động TBXH
2	Tự Lập	1					1			TP-HT: Luật
3	Tiến Thắng	1					1			TP-HT: Luật
4	Thạch Đà	1					1			TP-HT: Luật
5	Liên Mạc	1					1			TP-HT: Luật
6	Tiền Phong	1					1			TP-HT: Luật
7	Đại Thịnh	1					1			TP-HT: Luật
8	Mê Linh	1					1			TP-HT: Luật

*Handwritten signature*

(Đơn vị) SỞ, UBND QUẬN.....

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CÔNG CHỨC NĂM 2019**  
(Kèm theo Công văn số /SNV-CCVC, ngày /3/2019)

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Ghi tắt: Tiến sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Ngành, chuyên ngành cần tuyển (Ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng)	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển (Ghi theo biểu chi tiêu QĐ số 1058)	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển (Ghi theo biểu chi tiêu QĐ số 1058)	Điện tư tiên (ghi tắt theo hướng dẫn)	Ghi chú (nếu được miễn thi Ngoại ngữ ghi MNN)
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												
13												
14												
15												
16												

Người lập biểu

TỔ TRƯỞNG TỔ TIẾP NHẬN PHIẾU ĐKDT

**Ghi chú:** Dữ liệu ở danh sách này sẽ được gắn vào chương trình quản lý thi, vì vậy khi làm cần chú ý:

- Các dữ liệu ghi trên danh sách bắt buộc lập trên bảng tính EXCEL, Font chữ: Time New Roman, Bảng mã chữ: Unicode, cỡ chữ 12.
- CỘT NGÀY THÁNG NĂM SINH THỐNG NHẤT GHI THEO DẠNG TEXT kiểu dd/mm/yyyy (ngày, tháng, năm đủ 8 số);
- Xếp danh sách công chức dự thi theo thứ tự A, B, C... tại từng chỉ tiêu dự tuyển thuộc từng phòng, ban, chi cục sở, ban, ngành, của sở, cơ quan nhà nước, UBND quận, huyện. Mẫu số 1 được đăng tải trên website của Sở Nội vụ Hà Nội (<http://sonoivu.hanoi.gov.vn>)

UBND QUẬN, HUYỆN.....

## DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số

/SNV-CCVC, ngày /3/2019)

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Ghi tắt: Tiến sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Ngành, chuyên ngành cần tuyển (Ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chi tiêu tuyển dụng)	Chức danh công chức đăng ký thi tuyển (Ghi tắt theo hướng dẫn)	Đăng ký thi tuyển tại xã, phường, thị trấn (Chỉ ghi tên xã, phường, thị trấn)	Điện ưu tiên (ghi tắt theo hướng dẫn)	Ghi chú (nếu được miễn thi Tin học ghi MTH)
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												
13												
14												
15												

Người lập biểu

(Ghi rõ họ tên và số ĐT liên hệ)

UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ

**Ghi chú:** Dữ liệu ở danh sách này sẽ được gắn vào chương trình quản lý thi, vì vậy các đơn vị khi làm cần chú ý:

- Các dữ liệu ghi trên danh sách bắt buộc lập trên bảng tính EXCEL, Font chữ: Time New Roman, Bảng mã chữ: Unicode, cỡ chữ 12.
- CỘT NGÀY THÁNG NĂM SINH THỐNG NHẤT GHI THEO DẠNG TEXT kiểu dd/mm/yyyy (ngày, tháng, năm đủ 8 số);
- Xếp danh sách công chức xã dự thi theo thứ tự A, B, C... tại từng chi tiêu dự tuyển thuộc từng xã, phường, thị trấn. Mẫu số 2 được đăng tải trên website của Sở Nội vụ Hà Nội (<http://sonoivu.hanoi.gov.vn>) để các đơn vị, cơ quan được biết và sử dụng.

UBND QUẬN, HUYỆN...

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2019**  
(Kèm theo Công văn số /SNV-CCVC, ngày /3/2019)

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiến sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển (Ghi theo hướng dẫn)	Môn đăng ký thi tuyển (Ghi theo hướng dẫn)	Mã cấp học (Ghi 0,1,2 theo HD)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên (ghi tắt theo hướng dẫn)	Ghi chú (nếu được miễn thi Ngoại ngữ ghi MNN)
1													
2													
3													
4													
5													
6													
7													
8													
9													
10													
11													
12													
13													
14													
15													
16													

Người lập biểu

(Ghi rõ họ tên và số ĐT liên hệ)

UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ

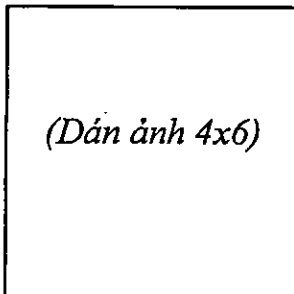
**Ghi chú:** Dữ liệu ở danh sách này sẽ được gắn vào chương trình quản lý thi, vì vậy các đơn vị khi làm cần chú ý:

- Các dữ liệu ghi trên danh sách bắt buộc lập trên bảng tính EXCEL, Font chữ: Time New Roman, Bảng mã chữ: Unicode, cỡ chữ 12.
- CỘT NGÀY THÁNG NĂM SINH THỐNG NHẤT GHI THEO DẠNG TEXT kiểu dd/mm/yyyy (ngày, tháng, năm đủ 8 số);
- Xếp danh sách viên chức dự thi theo thứ tự A, B, C, ... tại từng chi tiêu dự tuyển thuộc từng trường. Mẫu số 3 được đăng tải trên website của Sở Nội vụ Hà Nội (<http://sonoivu.hanoi.gov.vn>) để các đơn vị, cơ quan được biết và sử dụng.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019



**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC**

Vị trí dự tuyển<sup>(1)</sup>: .....

Đơn vị dự tuyển<sup>(2)</sup>: .....

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam  Nữ

Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Số điện thoại di động để báo tin:..... Email:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....

Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:..... kg

Thành phần bản thân hiện nay:.....

Trình độ văn hóa:.....

Trình độ chuyên môn:..... Loại hình đào tạo:.....

**II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO**

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

**III. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC**

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do: .....

Miễn thi tin học do: .....

**IV. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có ghi chính xác thuộc đối tượng ưu tiên nào)**

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật từ những giấy tờ, văn bản, chứng chỉ bản gốc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

**NGƯỜI VIẾT PHIẾU**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Kính gửi:** Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã quận (huyện).....<sup>(1)</sup>

Họ và tên:.....Nam, nữ:.....

Ngày tháng năm sinh: .....Dân tộc:.....

Hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay:.....

Điện thoại liên lạc: .....

Trình độ và chuyên ngành đào tạo: .....

Đối tượng ưu tiên (nếu có):<sup>(2)</sup> .....

Sau khi nghiên cứu điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã của .....<sup>(1)</sup>, tôi thấy có đủ điều kiện để tham dự kỳ tuyển dụng công chức cấp xã. Vì vậy, tôi làm đơn này đăng ký dự tuyển vào chức danh ..... tại UBND xã (phường, thị trấn) ..... thuộc quận (huyện)<sup>(1)</sup> .....

Nếu trúng tuyển tôi sẽ chấp hành các quy định của Nhà nước và của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Tôi gửi kèm theo đơn này hồ sơ dự tuyển, gồm:

1. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật;
2. Bản sao Giấy khai sinh;
3. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập và các giấy tờ có liên quan khác, gồm:<sup>(3)</sup> .....

4. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp;

5. 02 phong bì ghi rõ địa chỉ liên lạc; 02 ảnh 4 x 6.

Tôi cam đoan hồ sơ dự tuyển của tôi là đúng sự thật, sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ và tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Ghi chú:**

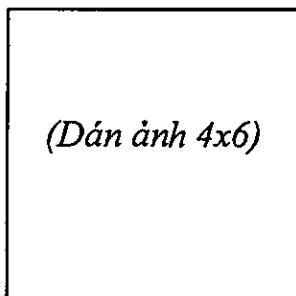
- (1) UBND quận, huyện nơi thí sinh đăng ký dự tuyển công chức cấp xã;
- (2) Ghi rõ đối tượng ưu tiên theo quy định;
- (3) Ghi rõ tên của các bản chụp và các giấy tờ có liên quan khác gửi kèm đơn ĐK dự tuyển công chức xã.

**Kính đơn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019



**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC**

Vị trí dự tuyển<sup>(1)</sup>: .....

Đơn vị dự tuyển<sup>(2)</sup>: .....

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam  Nữ

Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Số điện thoại di động để báo tin:..... Email:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....

Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:..... kg

Thành phần bản thân hiện nay:.....

Trình độ văn hóa:.....

Trình độ chuyên môn:.....Loại hình đào tạo:.....

**II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO**

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

**III. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC**

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do: .....

Miễn thi tin học do: .....

**IV. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có ghi chính xác thuộc đối tượng ưu tiên nào)**

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật từ những giấy tờ, văn bản, chứng chỉ bản gốc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

**NGƯỜI VIẾT PHIẾU**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;